

Số: 1126/QĐ-CT397

Đông Triều, ngày 16 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá:
Gói thầu số 21: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ
sản xuất Quý III năm 2023

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của chính phủ hướng dẫn thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quy định số 102/QĐ-CT397 ngày 12/01/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-CT397 ngày 15/6/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 21: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023;

Căn cứ Tờ trình ngày 16/6/2023 của Tổ chuyên gia về việc Phê duyệt bản yêu cầu báo giá: Gói thầu số 21: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Bản yêu cầu báo giá: Gói thầu số 21: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023. Nội dung cụ thể theo Bản yêu cầu báo giá kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan có chức năng, năng lực thực hiện các nội dung nêu tại **Điều 1** đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định ./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Các đ/c PGĐ (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT,TCG.M06.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Tên gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ
sản xuất Quý III năm 2023**

Gói thầu số: 21

**Kế hoạch mua sắm: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục
vụ sản xuất Quý III năm 2023**

Phát hành ngày: 16/6/2023

Ban hành kèm theo Quyết định: 1126/QĐ-CT397 ngày 16/6/2023

**BÊN MỜI THẦU
GIÁM ĐỐC**



Kiều Văn Sinh

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty cổ phần 397
Kế hoạch	Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần 397
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu số 21: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
7. Nhà thầu có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí 1,2,3,4,5,6 Mục 2 này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 và 02a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà

thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 và Mẫu 02a Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);
4. Bản xác nhận đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần 397, khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, TEL: 0203.2211.329- FAX: 0203.871.299 không muộn hơn 09 giờ 00 ngày 23/6/2023. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng

theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website của Công ty cổ phần 397 tại địa chỉ <https://congtycophan397.com.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng, bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng. .

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
1	Ắc giá chữ A Φ 55x240	Cái	1	Mới 100%	
2	Ắc giảm sóc sau Φ 70	Cái	10	Mới 100%	
3	Ắc giảm sóc trước Φ 60x160	Cái	5	Mới 100%	
4	Ắc giằng cầu Φ 70	Cái	60	Mới 100%	
5	Ắc giằng lái Φ 40	Cái	15	Mới 100%	
6	Ắc Piston lái Φ 45	Cái	15	Mới 100%	
7	Ắc xích Φ 47x260	Cái	5	Mới 100%	
8	Bạc ắc giằng cầu Φ 70	Cái	10	Mới 100%	
9	Bạc balie Cos1 740.60D-1000102	Bộ	1	Mới 100%	
10	Bạc biên Cos1 740.60D-1000104	Bộ	1	Mới 100%	
11	Bạc dẫn hướng 80x85x50	Cái	4	Mới 100%	
12	Bạc dẫn hướng 90x105x90	Cái	4	Mới 100%	
13	Bạc giằng lái Φ 40	Cái	4	Mới 100%	
14	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01	Cái	10	Mới 100%	
15	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173	Cái	5	Mới 100%	
16	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181	Cái	5	Mới 100%	
17	Bạc trục đứng Kamaz 6520	Cái	4	Mới 100%	
18	Bạc+ắc nhíp DONGFENG	Bộ	4	Mới 100%	
19	Bạc+ắc nhíp Kamaz	Bộ	5	Mới 100%	
20	Bàn ép côn Kamaz 6520	Cái	4	Mới 100%	
21	Bánh răng 6520-2502120	Cái	4	Mới 100%	
22	Bánh răng đồng tốc hộp số 1/2	Bộ	4	Mới 100%	
23	Bánh răng đồng tốc hộp số 3/4	Bộ	4	Mới 100%	
24	Bánh răng láp 53205-2403050	Cái	4	Mới 100%	
25	Bánh răng vành chấu+quả dứa 6520.2502060.10-6520.2502017.10	Bộ	5	Mới 100%	
26	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Cái	10	Mới 100%	
27	Bánh răng Z25	Cái	2	Mới 100%	
28	Bầu phanh lốc kê DAEWOO	Cái	2	Mới 100%	
29	Bầu phanh lốc kê DONGFENG	Cái	6	Mới 100%	
30	Bầu phanh lốc kê HUYNDAI	Cái	4	Mới 100%	
31	Bầu phanh lốc kê Kamaz 6520	Cái	10	Mới 100%	
32	Bầu phanh trước Kamaz	Cái	5	Mới 100%	
33	Bầu phanh trước Scania	Cái	3	Mới 100%	
34	Bì chao GEF70ES-2RS/K3	Vòng	45	Mới 100%	
35	Bì chao GEK40XS 2RS	Vòng	15	Mới 100%	
36	Bì chao GEK45XS 2RS	Vòng	10	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
37	Bi chao Φ60	Vòng	5	Mới 100%	
38	Bi chao Φ70	Vòng	10	Mới 100%	
39	Bi chữ thập các đặng Φ52x133	Vòng	5	Mới 100%	
40	Bi chữ thập các đặng Φ57x144	Vòng	5	Mới 100%	
41	Bi chữ thập các đặng Φ57x152	Vòng	5	Mới 100%	
42	Bi moay ơ trước 30615	Vòng	10	Mới 100%	
43	Bi moay ơ trước 32310	Vòng	10	Mới 100%	
44	Bi moay ơ trước Koyo 32032JR	Vòng	5	Mới 100%	
45	Bi moay ơ trước Koyo 32036JR	Vòng	5	Mới 100%	
46	Bi rọ 664916E	Vòng	5	Mới 100%	
47	Bi tê côn Kamaz 6520	Cái	5	Mới 100%	
48	Bi tỷ trục đứng 29910C17	Vòng	15	Mới 100%	
49	Bình ngưng Dongfeng	Cái	2	Mới 100%	
50	Bình nước phụ 6520-1311010	Cái	2	Mới 100%	
51	Bộ bơm tay+bầu lọc tách nước nhiên liệu 6W.55.259.20	Bộ	2	Mới 100%	
52	Bộ đầu lọc lạnh máy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1	Mới 100%	
53	Bộ đầu lọc lạnh xe HD465 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1	Mới 100%	
54	Bộ đầu lọc lạnh máy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1	Mới 100%	
55	Bộ gioăng phốt xi lạnh nghiêng ben 244-0980	Bộ	4	Mới 100%	
56	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Bộ/xe	2	Mới 100%	
57	Bộ ly hợp máy nén khí điều hòa 10PA17 - đường kính 105mm	Bộ	2	Mới 100%	
58	Bơm chuyển tiếp nhiên liệu xe Dongfeng	Cái	1	Mới 100%	
59	Bơm dầu động cơ 6240-51-1100	Cụm	1	Mới 100%	
60	Bơm lái 4310-3407200	Cái	5	Mới 100%	
61	Bơm lái DONGFENG	Cái	1	Mới 100%	
62	Bơm nước rửa kính CAT773E	Cái	2	Mới 100%	
63	Bơm nước rửa kính HD465	Cái	6	Mới 100%	
64	Bơm nước rửa kính L150H	Cái	1	Mới 100%	
65	Bơm tay nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	5	Mới 100%	
66	Bu lông các đặng 01050-61260	Cái	10	Mới 100%	
67	Bu lông các đặng 566-20-41220	Cái	10	Mới 100%	
68	Bu lông giằng cầu M20, L120	Bộ	10	Mới 100%	
69	Bu lông giằng cầu M20, L330	Bộ	10	Mới 100%	
70	Bu lông M20, L150 (8.8)	Bộ	20	Mới 100%	
71	Bu lông M27, L280 (12.9)	Bộ	10	Mới 100%	
72	Bu lông stan sau	Bộ	20	Mới 100%	
73	Bu lông stan trước	Bộ	20	Mới 100%	
74	Bu lông tắc kê	Bộ	30	Mới 100%	
75	Bu lông tắc kê 569-22-72850	Cái	30	Mới 100%	
76	Bu lông tắc kê 569-22-72860	Cái	30	Mới 100%	
77	Bu lông tắc kê trước	Bộ	30	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
78	Bu ly tăng dây cu roa tron	Cái	10	Mới 100%	
79	Ca xoa nhỏ 287-33-00010	Cặp	4	Mới 100%	
80	Ca xoa nhỏ H143HN60	Cặp	4	Mới 100%	
81	Ca xoa to 76.90H-144HN60CF	Cặp	4	Mới 100%	
82	Căn nhựa bình tích năng 707-35-91020	Cái	5	Mới 100%	
83	Căn nhựa giảm sóc sau 07001-05210	Cái	3	Mới 100%	
84	Căn nhựa giảm sóc trước 07001-05190	Cái	5	Mới 100%	
85	Căn phíp giảm sóc trước 566-50-11290	Cái	5	Mới 100%	
86	Căn vi sai cầu giữa	Bộ	5	Mới 100%	
87	Căn vi sai cầu sau	Bộ	5	Mới 100%	
88	Cánh giảm chấn HD465	Cái	4	Mới 100%	
89	Cao su chân máy 569-01-81130	Cái	7	Mới 100%	
90	Cao su giảm chấn nhỏ 285-01-12411	Cái	10	Mới 100%	
91	Cao su giảm chấn to 569-01-62410	Cái	10	Mới 100%	
92	Cao su giằng cầu DAEWOO	Quả	10	Mới 100%	
93	Cao su giằng cầu Hyundai HD260	Quả	5	Mới 100%	
94	Cao su giằng cầu Kamaz 6520	Quả	10	Mới 100%	
95	Cây ba dọc 6520-3414010-11	Cái	2	Mới 100%	
96	Cây các đăng sau 6520-2201011-10	Cái	3	Mới 100%	
97	Cây các đăng trước Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
98	Chuột đề khởi động Dongfeng	Cái	1	Mới 100%	
99	Chụp chắn bụi giằng lái HD465	Cái	50	Mới 100%	
100	Cơ cấu bánh răng truyền động trục trung gian 6520-2502110	Cái	2	Mới 100%	
101	Cốc lọc dầu phanh HD465	Cái	5	Mới 100%	
102	Còi điện KF-24	Cái	5	Mới 100%	
103	Còi hơi inox	Cái	5	Mới 100%	
104	Côn đề khởi động Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
105	Con đội xu páp 740-1007184-03	Cái	20	Mới 100%	
106	Công tắc phanh 421-06-35111	Cái	2	Mới 100%	
107	Cụm khớp lai bơm ben 6090012022	Cụm	2	Mới 100%	
108	Cụm vi sai cài cầu Kamaz	Cụm	3	Mới 100%	
109	Cuộn điện lọc lạnh HD465	Cái	2	Mới 100%	
110	Cuống van dài 569-30-72130	Cái	40	Mới 100%	
111	Cuống van ngắn 569-30-71600	Cái	20	Mới 100%	
112	Dàn nóng PC1250	Cái	1	Mới 100%	
113	Dầu lạnh PAG 100HQ	Chai	10	Mới 100%	
114	Dầu lọc lạnh con gấu 1 lít	Lon	10	Mới 100%	
115	Dây cu roa 6PK2120	Sợi	10	Mới 100%	
116	Dây cu roa 6PK2140	Sợi	5	Mới 100%	
117	Dây cu roa 6PK2220	Sợi	5	Mới 100%	
118	Dây cu roa 6PK2285	Sợi	5	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
119	Dây cu roa 6PK2310	Sợi	5	Mới 100%	
120	Dây cu roa động cơ 04122-22573	Sợi	5	Mới 100%	
121	Dây cu roa máy lạnh RECMF 8390	Sợi	5	Mới 100%	
122	Dây cu roa máy lạnh RECMF6580	Cái	10	Mới 100%	
123	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Sợi	15	Mới 100%	
124	Dây cu roa máy phát RECMF6390	Sợi	15	Mới 100%	
125	Dây đi số Dongfeng	Sợi	1	Mới 100%	
126	Dây ga 32740-7B520	Cái	1	Mới 100%	
127	Đế cốc lọc dầu phanh	Cái	4	Mới 100%	
128	Đề khởi động 11 kW 600-813-9512	Cái	2	Mới 100%	
129	Đề khởi động 5402.3708000-01	Cái	2	Mới 100%	
130	Đề khởi động Kamaz 6520	Cái	1	Mới 100%	
131	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413	Cái	5	Mới 100%	
132	Đèn hậu led	Cái	23	Mới 100%	
133	Đèn Nordic	Cái	10	Mới 100%	
134	Đèn pha - điện tử 24V (đế sắt)	Cái	20	Mới 100%	
135	Đèn pha BT50	Cái	5	Mới 100%	
136	Đèn pha Kamaz	Cái	20	Mới 100%	
137	Đèn pha vuông 24V-100W	Cái	15	Mới 100%	
138	Đèn pha xe Dongfeng	Cái	2	Mới 100%	
139	Đèn xi nhan phải 1387155	Cái	5	Mới 100%	
140	Đèn xi nhan sườn Kamaz	Cái	15	Mới 100%	
141	Đèn xi nhan trái 1385410	Cái	2	Mới 100%	
142	Đèn xi nhan trước Kamaz	Cái	5	Mới 100%	
143	Điện trở điều hòa HD465	Cái	2	Mới 100%	
144	Đinh tán Φ8	Cái	150	Mới 100%	
145	Ê cu tắc kê 569-22-72870	Cái	50	Mới 100%	
146	Gas 134 KLEA	Bình	4	Mới 100%	
147	Gas lạnh R134	Bình	5	Mới 100%	
148	Giảm sóc nhíp trước Kamaz 6520	Cái	5	Mới 100%	
149	Giàn lạnh HD465	Cái	5	Mới 100%	
150	Giàn nóng DONGFENG	Cái	1	Mới 100%	
151	Giàn nóng Kamaz 6520	Cái	5	Mới 100%	
152	Giàn nóng PC750	Cái	2	Mới 100%	
153	Gioăng 566-40-42822	Cái	5	Mới 100%	
154	Gioăng bình tích năng 07000-12100	Cái	10	Mới 100%	
155	Gioăng bình tích năng 07000-15090	Cái	10	Mới 100%	
156	Gioăng bốt lái 561-40-00200	Bộ	2	Mới 100%	
157	Gioăng cổ hút Kamaz	Cái	15	Mới 100%	
158	Gioăng giảm sóc sau 07000-15210	Cái	5	Mới 100%	
159	Gioăng giảm sóc trước 07000-15190	Cái	5	Mới 100%	
160	Gioăng lốp 568-30-11550	Cái	5	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
161	Gioăng mặt máy 740.30-1003213	Cái	3	Mới 100%	
162	Gioăng mặt xoa nhỏ 180-27-11620	Cái	10	Mới 100%	
163	Gioăng mặt xoa to 198-27-11550	Cái	10	Mới 100%	
164	Gioăng moay σ sau 07000-15415	Cái	5	Mới 100%	
165	Gioăng moay σ sau 07000-15455	Cái	3	Mới 100%	
166	Gioăng moay σ sau 07000-15500	Cái	5	Mới 100%	
167	Gioăng moay σ sau 07000-A5280	Cái	5	Mới 100%	
168	Gioăng moay σ sau 56A-46-13480	Cái	5	Mới 100%	
169	Gioăng moay σ sau $\Phi 4 \times 175$	Cái	10	Mới 100%	
170	Gioăng moay σ sau $\Phi 6 \times 250$	Cái	10	Mới 100%	
171	Gioăng phốt bom nước 6241-K6-9900	Bộ	5	Mới 100%	
172	Gioăng phốt đại tu 740.50-360	Bộ	5	Mới 100%	
173	Gioăng phốt xi lanh đóng mở gầu 49327-20250	Bộ	5	Mới 100%	
174	Gioăng phốt xi lanh lái Kamaz 65201	Bộ	5	Mới 100%	
175	Gioăng phốt xi lanh nâng hạ cần 49327-60690	Bộ	5	Mới 100%	
176	Gối cầu cân bằng 6520-2918068	Cái	5	Mới 100%	
177	Guốc phanh 6520-3501095	Cái	5	Mới 100%	
178	Gương chiếu hậu SL-736	Cái	5	Mới 100%	
179	Keo gắn gioăng 790- 129-9170	Tuýp	3	Mới 100%	
180	Kết làm mát dầu động cơ 293-9367	Cái	5	Mới 100%	
181	Kết làm mát dầu động cơ 740.60-1013200	Cái	5	Mới 100%	
182	Kết mát dầu thủy lực 358-1301	Cái	5	Mới 100%	
183	Khóa hãm tanh lớp 568-11541	Cái	3	Mới 100%	
184	Khớp lai bơm ben Kamaz 6520	Cái	5	Mới 100%	
185	Lá côn Kamaz 6520	Cái	5	Mới 100%	
186	La răng 1200-20	Bộ	5	Mới 100%	
187	Lazang ngắn 568-30-11521	Cái	3	Mới 100%	
188	Lọc dầu động cơ P550490	Cái	5	Mới 100%	
189	Lọc dầu động cơ SO2715	Cái	5	Mới 100%	
190	Lọc dầu nhiên liệu P553004	Cái	5	Mới 100%	
191	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Cái	25	Mới 100%	
192	Lọc điều hòa HCC-15	Cái	2	Mới 100%	
193	Lọc ga điều hòa 51440-A1180	Cái	3	Mới 100%	
194	Lọc gió động cơ 2337PU	Bộ	2	Mới 100%	
195	Lọc gió động cơ Kamaz 6520	Cái	10	Mới 100%	
196	Lọc lạnh 5S508/24V	Cái	10	Mới 100%	
197	Lọc phom xả UT1374	Cái	2	Mới 100%	
198	Lọc tách nước P551329	Cái	2	Mới 100%	
199	Lọc tách nước P551855	Cái	2	Mới 100%	
200	Lọc tách nước P554685	Cái	5	Mới 100%	
201	Lọc tách nước PL-420	Cái	2	Mới 100%	
202	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Cái	25	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
203	Lọc thô nhiên liệu 57W001105350	Cái	2	Mới 100%	
204	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Cái	25	Mới 100%	
205	Lọc tinh nhiên liệu D5H00-1105140A	Cái	2	Mới 100%	
206	Má phanh sau HYUNDAI County	Cái	5	Mới 100%	
207	Má phanh sau Kamaz	Cái	10	Mới 100%	
208	Măng xéc bình tích năng 721-47-12020	Cái	5	Mới 100%	
209	Măng xéc bình tích năng 721-47-12080	Cái	5	Mới 100%	
210	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410	Cái	5	Mới 100%	
211	Măng xéc kép giảm sóc sau 707-51-18650	Cái	5	Mới 100%	
212	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650	Cái	5	Mới 100%	
213	Mặt bích các đăng 2402N-065	Cái	2	Mới 100%	
214	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn 569-01-62720	Cái	2	Mới 100%	
215	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	2	Mới 100%	
216	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	2	Mới 100%	
217	Mặt đi số F96194-6C	Cụm	2	Mới 100%	
218	Mặt máy 740.30-1003010	Cụm	2	Mới 100%	
219	Máy ép hơi 53205-3509015-02	Cụm	2	Mới 100%	
220	Máy nén khí điều hòa 7S708/24V	Cái	2	Mới 100%	
221	Máy phát điện 3142-3771-10	Cái	4	Mới 100%	
222	Máy phát điện 600-861-9122	Cái	2	Mới 100%	
223	Mô tơ quạt giàn nóng 90Z	Cái	2	Mới 100%	
224	Móng hãm xu páp 6240-41-4520	Cái	50	Mới 100%	
225	Nắp chụp chắn mỡ gối cầu cân bằng Kamaz	Cái	1	Mới 100%	
226	Nhíp sau 100x22x1000	Lá	5	Mới 100%	
227	Nhíp sau 100x22x1150	Lá	5	Mới 100%	
228	Nhíp sau 100x22x1250	Lá	5	Mới 100%	
229	Nhíp sau 100x22x1600	Lá	30	Mới 100%	
230	Nhíp sau 100x22x350	Lá	5	Mới 100%	
231	Nhíp sau 100x22x450	Lá	5	Mới 100%	
232	Nhíp sau 100x22x550	Lá	5	Mới 100%	
233	Nhíp sau 100x22x650	Lá	6	Mới 100%	
234	Nhíp sau 100x22x750	Lá	5	Mới 100%	
235	Nhíp sau 100x22x850	Lá	6	Mới 100%	
236	Nhíp sau 90x20x1000	Lá	3	Mới 100%	
237	Nhíp sau 90x20x1100	Lá	2	Mới 100%	
238	Nhíp sau 90x20x1200	Lá	2	Mới 100%	
239	Nhíp sau 90x20x1500	Lá	8	Mới 100%	
240	Nhíp sau 90x20x500	Lá	3	Mới 100%	
241	Nhíp sau 90x20x600	Lá	3	Mới 100%	
242	Nhíp sau 90x20x700	Lá	3	Mới 100%	
243	Nhíp sau 90x20x800	Lá	3	Mới 100%	
244	Nhíp sau 90x20x900	Lá	2	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
245	Nhíp trước 90x12x1400	Lá	2	Mới 100%	
246	Nhíp trước 90x12x1600	Lá	2	Mới 100%	
247	Nhíp trước 90x14x1050	Lá	2	Mới 100%	
248	Nhíp trước 90x14x1200	Lá	7	Mới 100%	
249	Nhíp trước 90x14x1350	Lá	5	Mới 100%	
250	Nhíp trước 90x14x1500	Lá	7	Mới 100%	
251	Nhíp trước 90x14x350	Lá	4	Mới 100%	
252	Nhíp trước 90x14x450	Lá	5	Mới 100%	
253	Nhíp trước 90x14x600	Lá	7	Mới 100%	
254	Nhíp trước 90x14x750	Lá	5	Mới 100%	
255	Nhíp trước 90x14x900	Lá	7	Mới 100%	
256	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Lá	2	Mới 100%	
257	Nhíp trước lá số 1; 90x16x1720	Lá	3	Mới 100%	
258	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Lá	5	Mới 100%	
259	Nhíp trước lá số 2; 90x16x1720	Lá	2	Mới 100%	
260	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Lá	7	Mới 100%	
261	Ổng xả 54115-1203012-01	Cái	2	Mới 100%	
262	Phanh hãm Φ60x2.5	Cái	5	Mới 100%	
263	Phin lọc dầu động cơ P550065	Bộ	5	Mới 100%	
264	Phin lọc dầu động cơ P550777	Cái	5	Mới 100%	
265	Phin lọc dầu động cơ P553639	Cái	5	Mới 100%	
266	Phin lọc dầu động cơ P556007	Cái	5	Mới 100%	
267	Phin lọc dầu động cơ P559000	Cái	5	Mới 100%	
268	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Cái	5	Mới 100%	
269	Phin lọc dầu nhiên liệu P551047	Cái	5	Mới 100%	
270	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Cái	5	Mới 100%	
271	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Cái	10	Mới 100%	
272	Phin lọc máy lạnh Hyundai HD260	Cái	2	Mới 100%	
273	Phin lọc máy lạnh Kamaz	Cái	4	Mới 100%	
274	Phốt 50x72x12 HMSA10 RG	Cái	2	Mới 100%	
275	Phốt 58x80x12	Cái	2	Mới 100%	
276	Phốt 90x120x12	Cái	2	Mới 100%	
277	Phốt bốt lái 561-40-00100	Bộ	2	Mới 100%	
278	Phốt cầu 80x105x12	Cái	10	Mới 100%	
279	Phốt chắn bụi giảm sóc sau 561-50-61370	Cái	5	Mới 100%	
280	Phốt chắn bụi giảm sóc trước 569-50-61230	Cái	5	Mới 100%	
281	Phốt chắn bụi moay ơ sau 568-33-11511	Cái	5	Mới 100%	
282	Phốt chắn mỡ 90x105x14	Cái	4	Mới 100%	
283	Phốt chắn mỡ giằng cầu Φ70	Cái	64	Mới 100%	
284	Phốt giảm chấn 569-01-12912	Cái	3	Mới 100%	
285	Phốt moay ơ sau 65115-3104017	Cái	10	Mới 100%	
286	Phốt moay ơ trước 105x138	Cái	5	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
287	Phốt moay ơ trước 569-30-11412	Cái	4	Mới 100%	
288	Phốt tím đơn giảm sóc sau 569-50-82410	Cái	5	Mới 100%	
289	Piston giảm sóc ghế lái 370-8065	Cái	2	Mới 100%	
290	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Cái	14	Mới 100%	
291	Quang nhíp sau M27x90x420	Bộ	2	Mới 100%	
292	Quang nhíp sau M27x90x440	Bộ	2	Mới 100%	
293	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	6	Mới 100%	
294	Quạt dàn nóng Themoking 12 inch/24V	Cái	3	Mới 100%	
295	Quạt giàn lạnh HD465-7	Cái	2	Mới 100%	
296	Quạt giàn lạnh HD465-7R	Cái	2	Mới 100%	
297	Quạt giàn lạnh máy xúc lật VOLVO L150H	Cái	1	Mới 100%	
298	Quạt giàn lạnh máy xúc PC750	Cái	1	Mới 100%	
299	Quạt giàn nóng 24V - 12"	Cái	2	Mới 100%	
300	Quạt giàn nóng máy khoan DI550	Cái	1	Mới 100%	
301	Quạt giàn nóng máy xúc PC750	Cái	1	Mới 100%	
302	Rơ le 569-06-61960	Cái	1	Mới 100%	
303	Rô tuyen ba ngang R180-3414062/3414063	Bộ	2	Mới 100%	
304	Rô tuyen đi số to Kamaz	Cái	2	Mới 100%	
305	Tanh la răng	Cái	8	Mới 100%	
306	Tay giằng cầu hạ HD465	Cái	4	Mới 100%	
307	Tay giằng cầu thượng HD465	Cái	6	Mới 100%	
308	Tiết chế máy phát Kamaz 6520	Cái	4	Mới 100%	
309	Tổng côn dưới HYUNDAI HD260	Cái	1	Mới 100%	
310	Tổng côn dưới Kamaz 6520	Cái	3	Mới 100%	
311	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Cái	2	Mới 100%	
312	Trục các đăng sau xe Dongfeng	Cái	2	Mới 100%	
313	Trục chữ thập 5320-2403060	Cái	2	Mới 100%	
314	Trục đứng 6520-3001019	Cái	2	Mới 100%	
315	Trục giảm chấn HD465	Cái	2	Mới 100%	
316	Trục lai bơm ben 136303036	Cái	2	Mới 100%	
317	Trục lai các đăng sau 6520-3904030	Cái	2	Mới 100%	
318	Trục láp dài 6520-3501108	Cái	2	Mới 100%	
319	Trục súng vận bu lông SH8600	Cái	2	Mới 100%	
320	Ty ô máy lạnh Φ22	mét	7,8	Mới 100%	
321	Van chia hơi 1425183/RL3518Z77	Cái	2	Mới 100%	
322	Van chia hơi 973011010	Cái	2	Mới 100%	
323	Van điện từ 09070617	Cái	6	Mới 100%	
324	Van điện từ lên ben 09070617	Cái	1	Mới 100%	
325	Van nạp giảm sóc 566-50-11301	Cái	1	Mới 100%	
326	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011	Cái	6	Mới 100%	
327	Van tiết lưu máy lạnh HD465	Cái	1	Mới 100%	
328	Van tiết lưu máy lạnh Kamaz	Cái	2	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
329	Van vòi phun dầu bôi trơn thành xi lanh	Cái	1	Mới 100%	
330	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
331	Vòi phun làm nguội pít tông	Cái	1	Mới 100%	
332	Vòng bi 6009	Vòng	1	Mới 100%	
333	Vòng bi 6211C3	Vòng	2	Mới 100%	
334	Vòng bi 6217C3	Vòng	1	Mới 100%	
335	Vòng bi 6316C3	Vòng	1	Mới 100%	
336	Vòng bi 706-77-43890	Vòng	2	Mới 100%	
337	Vòng bi cầu 1032924KM	Vòng	6	Mới 100%	
338	Vòng bi cầu 30313JR	Vòng	3	Mới 100%	
339	Vòng bi cầu 32216	Vòng	4	Mới 100%	
340	Vòng bi cầu 32313	Vòng	2	Mới 100%	
341	Vòng bi cầu 32315	Vòng	2	Mới 100%	
342	Vòng bi cầu 6312	Vòng	3	Mới 100%	
343	Vòng bi cầu NJ206ET2X	Vòng	1	Mới 100%	
344	Vòng bi NTN 6303	Vòng	2	Mới 100%	
345	Vòng bi SKF 6207	Vòng	5	Mới 100%	
346	Vòng bi SKF 6208/C3	Vòng	2	Mới 100%	
347	Vòng bi SKF 6303	Vòng	2	Mới 100%	
348	Vòng bi SKF 6307	Vòng	2	Mới 100%	
349	Vòng bi SKF 6313	Vòng	2	Mới 100%	
350	Vòng bi SKF NJ206ECP	Vòng	2	Mới 100%	
351	Vòng đệm đầu trục a cơ Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
352	Vú mỡ	Cái	100	Mới 100%	
353	Xi lanh phanh HYUNDAI County	Cái	4	Mới 100%	
354	Xi lanh phanh trước xe SAMCO 34c	Cái	4	Mới 100%	

*** Yêu cầu khác**

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Thời gian giao hàng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023 và được giao thành từng đợt theo yêu cầu của Bên mời thầu.
2	Tiến độ giao hàng	Giao đủ trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của bên mời thầu đối với từng đợt giao hàng
3	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư - Công ty Cổ phần 397
4	Thời gian thanh toán	Bằng chuyển khoản 100% giá trị tiền hàng trong vòng 60 ngày của từng đợt giao hàng sau khi bên bán cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan bao gồm: Hóa đơn GTGT; biên bản giao nhận hàng hóa; Giấy chứng nhận CO,CQ và các giấy tờ cần thiết khác.
5	Năm sản xuất	Yêu cầu nhà thầu ghi rõ năm sản xuất từng mục hàng hóa
6	Chất lượng hàng hóa	Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại.
7	Bảo hành	Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Yêu cầu nhà thầu chào chi tiết thời gian bảo hành cho từng mục hàng hóa (nếu có).

Các nhà thầu phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Ắc giá chữ A Φ55x240	Cái	1					
2	Ắc giảm sóc sau Φ70	Cái	10					
3	Ắc giảm sóc trước Φ60x160	Cái	5					
4	Ắc giằng cầu Φ70	Cái	60					
5	Ắc giằng lái Φ40	Cái	15					
6	Ắc Piston lái Φ45	Cái	15					
7	Ắc xích Φ47x260	Cái	5					
8	Bạc ắc giằng cầu Φ70	Cái	10					
9	Bạc balie Cos1 740.60D-1000102	Bộ	1					
10	Bạc biên Cos1 740.60D-1000104	Bộ	1					
11	Bạc dẫn hướng 80x85x50	Cái	4					
12	Bạc dẫn hướng 90x105x90	Cái	4					
13	Bạc giằng lái Φ40	Cái	4					
14	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01	Cái	10					
15	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173	Cái	5					
16	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181	Cái	5					
17	Bạc trục đứng Kamaz 6520	Cái	4					
18	Bạc+ắc nhíp DONGFENG	Bộ	4					
19	Bạc+ắc nhíp Kamaz	Bộ	5					
20	Bàn ép côn Kamaz 6520	Cái	4					
21	Bánh răng 6520-2502120	Cái	4					
22	Bánh răng đồng tốc hộp số 1/2	Bộ	4					
23	Bánh răng đồng tốc hộp số 3/4	Bộ	4					
24	Bánh răng láp 53205-2403050	Cái	4					
25	Bánh răng vành chậu+quả dĩa 6520.2502060.10-6520.2502017.10	Bộ	5					
26	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Cái	10					
27	Bánh răng Z25	Cái	2					
28	Bầu phanh lốc kê DAEWOO	Cái	2					
29	Bầu phanh lốc kê DONGFENG	Cái	6					
30	Bầu phanh lốc kê HUYNDAI	Cái	4					
31	Bầu phanh lốc kê Kamaz 6520	Cái	10					
32	Bầu phanh trước Kamaz	Cái	5					
33	Bầu phanh trước Scania	Cái	3					
34	Bi chao GEF70ES-2RS/K3	Vòng	45					
35	Bi chao GEK40XS 2RS	Vòng	15					
36	Bi chao GEK45XS 2RS	Vòng	10					
37	Bi chao Φ60	Vòng	5					
38	Bi chao Φ70	Vòng	10					
39	Bi chữ thập các đăng Φ52x133	Vòng	5					
40	Bi chữ thập các đăng Φ57x144	Vòng	5					
41	Bi chữ thập các đăng Φ57x152	Vòng	5					
42	Bi moay ơ trước 30615	Vòng	10					
43	Bi moay ơ trước 32310	Vòng	10					
44	Bi moay ơ trước Koyo 32032JR	Vòng	5					
45	Bi moay ơ trước Koyo 32036JR	Vòng	5					
46	Bi rọ 664916E	Vòng	5					
47	Bi tê côn Kamaz 6520	Cái	5					

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
48	Bì tỳ trực đứng 29910C17	Vòng	15					
49	Bình ngưng Dongfeng	Cái	2					
50	Bình nước phụ 6520-1311010	Cái	2					
51	Bộ bơm tay+bầu lọc tách nước nhiên liệu 6W.55.259.20	Bộ	2					
52	Bộ đầu lọc lạnh máy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1					
53	Bộ đầu lọc lạnh xe HD465 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1					
54	Bộ đầu lọc lạnh máy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1					
55	Bộ gioăng phốt xi lanh nghiêng ben 244-0980	Bộ	4					
56	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Bộ/xe	2					
57	Bộ ly hợp máy nén khí điều hòa 10PA17 - đường kính 105mm	Bộ	2					
58	Bơm chuyển tiếp nhiên liệu xe Dongfeng	Cái	1					
59	Bơm dầu động cơ 6240-51-1100	Cụm	1					
60	Bơm lái 4310-3407200	Cái	5					
61	Bơm lái DONGFENG	Cái	1					
62	Bơm nước rửa kính CAT773E	Cái	2					
63	Bơm nước rửa kính HD465	Cái	6					
64	Bơm nước rửa kính L150H	Cái	1					
65	Bơm tay nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	5					
66	Bu lông các đăng 01050-61260	Cái	10					
67	Bu lông các đăng 566-20-41220	Cái	10					
68	Bu lông giàng cầu M20, L120	Bộ	10					
69	Bu lông giàng cầu M20, L330	Bộ	10					
70	Bu lông M20, L150 (8.8)	Bộ	20					
71	Bu lông M27, L280 (12.9)	Bộ	10					
72	Bu lông stan sau	Bộ	20					
73	Bu lông stan trước	Bộ	20					
74	Bu lông tắc kê	Bộ	30					
75	Bu lông tắc kê 569-22-72850	Cái	30					
76	Bu lông tắc kê 569-22-72860	Cái	30					
77	Bu lông tắc kê trước	Bộ	30					
78	Bu ly tăng dây cu roa tron	Cái	10					
79	Ca xoa nhỏ 287-33-00010	Cặp	4					
80	Ca xoa nhỏ H143HN60	Cặp	4					
81	Ca xoa to 76.90H-144HN60CF	Cặp	4					
82	Căn nhựa bình tích năng 707-35-91020	Cái	5					
83	Căn nhựa giảm sóc sau 07001-05210	Cái	3					
84	Căn nhựa giảm sóc trước 07001-05190	Cái	5					
85	Căn phíp giảm sóc trước 566-50-11290	Cái	5					
86	Căn vi sai cầu giữa	Bộ	5					
87	Căn vi sai cầu sau	Bộ	5					
88	Cánh giảm chấn HD465	Cái	4					
89	Cao su chân máy 569-01-81130	Cái	7					
90	Cao su giảm chấn nhỏ 285-01-12411	Cái	10					
91	Cao su giảm chấn to 569-01-62410	Cái	10					
92	Cao su giàng cầu DAEWOO	Quả	10					
93	Cao su giàng cầu Hyundai HD260	Quả	5					
94	Cao su giàng cầu Kamaz 6520	Quả	10					

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
95	Cây ba dọc 6520-3414010-11	Cái	2					
96	Cây các đăng sau 6520-2201011-10	Cái	3					
97	Cây các đăng trước Kamaz 6520	Cái	2					
98	Chuột đề khởi động Dongfeng	Cái	1					
99	Chụp chắn bụi giằng lái HD465	Cái	50					
100	Cơ cấu bánh răng truyền động trục trung gian 6520-2502110	Cái	2					
101	Cốc lọc dầu phanh HD465	Cái	5					
102	Còi điện KF-24	Cái	5					
103	Còi hơi inox	Cái	5					
104	Côn đề khởi động Kamaz 6520	Cái	2					
105	Con đội xu páp 740-1007184-03	Cái	20					
106	Công tắc phanh 421-06-35111	Cái	2					
107	Cụm khớp lai bơm ben 6090012022	Cụm	2					
108	Cụm vi sai cài cầu Kamaz	Cụm	3					
109	Cuộn điện lốc lạnh HD465	Cái	2					
110	Cuồng van dài 569-30-72130	Cái	40					
111	Cuồng van ngắn 569-30-71600	Cái	20					
112	Dàn nóng PC1250	Cái	1					
113	Dầu lạnh PAG 100HQ	Chai	10					
114	Dầu lốc lạnh con gấu 1 lít	Lon	10					
115	Dây cu roa 6PK2120	Sợi	10					
116	Dây cu roa 6PK2140	Sợi	5					
117	Dây cu roa 6PK2220	Sợi	5					
118	Dây cu roa 6PK2285	Sợi	5					
119	Dây cu roa 6PK2310	Sợi	5					
120	Dây cu roa động cơ 04122-22573	Sợi	5					
121	Dây cu roa máy lạnh RECMF 8390	Sợi	5					
122	Dây cu roa máy lạnh RECMF6580	Cái	10					
123	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Sợi	15					
124	Dây cu roa máy phát RECMF6390	Sợi	15					
125	Dây đi số Dongfeng	Sợi	1					
126	Dây ga 32740-7B520	Cái	1					
127	Đế cốc lọc dầu phanh	Cái	4					
128	Đề khởi động 11 kW 600-813-9512	Cái	2					
129	Đề khởi động 5402.3708000-01	Cái	2					
130	Đề khởi động Kamaz 6520	Cái	1					
131	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413	Cái	5					
132	Đèn hậu led	Cái	23					
133	Đèn Nordic	Cái	10					
134	Đèn pha - điện tử 24V (đế sắt)	Cái	20					
135	Đèn pha BT50	Cái	5					
136	Đèn pha Kamaz	Cái	20					
137	Đèn pha vuông 24V-100W	Cái	15					
138	Đèn pha xe Dongfeng	Cái	2					
139	Đèn xi nhan phải 1387155	Cái	5					
140	Đèn xi nhan sườn Kamaz	Cái	15					
141	Đèn xi nhan trái 1385410	Cái	2					

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
142	Đèn xi nhan trước Kamaz	Cái	5					
143	Điện trở điều hòa HD465	Cái	2					
144	Đinh tán Ø8	Cái	150					
145	Ê cu tắc kê 569-22-72870	Cái	50					
146	Gas 134 KLEA	Bình	4					
147	Gas lạnh R134	Bình	5					
148	Giảm sóc nhíp trước Kamaz 6520	Cái	5					
149	Giàn lạnh HD465	Cái	5					
150	Giàn nóng DONGFENG	Cái	1					
151	Giàn nóng Kamaz 6520	Cái	5					
152	Giàn nóng PC750	Cái	2					
153	Gioăng 566-40-42822	Cái	5					
154	Gioăng bình tích năng 07000-12100	Cái	10					
155	Gioăng bình tích năng 07000-15090	Cái	10					
156	Gioăng bốt lái 561-40-00200	Bộ	2					
157	Gioăng cổ hút Kamaz	Cái	15					
158	Gioăng giảm sóc sau 07000-15210	Cái	5					
159	Gioăng giảm sóc trước 07000-15190	Cái	5					
160	Gioăng lớp 568-30-11550	Cái	5					
161	Gioăng mặt máy 740.30-1003213	Cái	3					
162	Gioăng mặt xoa nhỏ 180-27-11620	Cái	10					
163	Gioăng mặt xoa to 198-27-11550	Cái	10					
164	Gioăng moay σ sau 07000-15415	Cái	5					
165	Gioăng moay σ sau 07000-15455	Cái	3					
166	Gioăng moay σ sau 07000-15500	Cái	5					
167	Gioăng moay σ sau 07000-A5280	Cái	5					
168	Gioăng moay σ sau 56A-46-13480	Cái	5					
169	Gioăng moay σ sau Φ4x175	Cái	10					
170	Gioăng moay σ sau Φ6x250	Cái	10					
171	Gioăng phốt bơm nước 6241-K6-9900	Bộ	5					
172	Gioăng phốt đại tu 740.50-360	Bộ	5					
173	Gioăng phốt xi lanh đóng mở gầu 49327-20250	Bộ	5					
174	Gioăng phốt xi lanh lái Kamaz 65201	Bộ	5					
175	Gioăng phốt xi lanh nâng hạ cần 49327-60690	Bộ	5					
176	Gối cầu cân bằng 6520-2918068	Cái	5					
177	Guốc phanh 6520-3501095	Cái	5					
178	Gương chiếu hậu SL-736	Cái	5					
179	Keo gắn gioăng 790- 129-9170	Tuýp	3					
180	Két làm mát dầu động cơ 293-9367	Cái	5					
181	Két làm mát dầu động cơ 740.60-1013200	Cái	5					
182	Két mát dầu thủy lực 358-1301	Cái	5					
183	Khóa hãm tanh lớp 568-11541	Cái	3					
184	Khớp lai bơm ben Kamaz 6520	Cái	5					
185	Lá côn Kamaz 6520	Cái	5					
186	La răng 1200-20	Bộ	5					
187	Lazang ngắn 568-30-11521	Cái	3					
188	Lọc dầu động cơ P550490	Cái	5					

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
189	Lọc dầu động cơ SO2715	Cái	5					
190	Lọc dầu nhiên liệu P553004	Cái	5					
191	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Cái	25					
192	Lốc điều hòa HCC-15	Cái	2					
193	Lọc ga điều hòa 51440-A1180	Cái	3					
194	Lọc gió động cơ 2337PU	Bộ	2					
195	Lọc gió động cơ Kamaz 6520	Cái	10					
196	Lốc lạnh 5S508/24V	Cái	10					
197	Lọc phom xả UT1374	Cái	2					
198	Lọc tách nước P551329	Cái	2					
199	Lọc tách nước P551855	Cái	2					
200	Lọc tách nước P554685	Cái	5					
201	Lọc tách nước PL-420	Cái	2					
202	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Cái	25					
203	Lọc thô nhiên liệu 57W001105350	Cái	2					
204	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Cái	25					
205	Lọc tinh nhiên liệu DSH00-1105140A	Cái	2					
206	Má phanh sau HYUNDAI County	Cái	5					
207	Má phanh sau Kamaz	Cái	10					
208	Măng xéc bình tích năng 721-47-12020	Cái	5					
209	Măng xéc bình tích năng 721-47-12080	Cái	5					
210	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410	Cái	5					
211	Măng xéc kép giảm sóc sau 707-51-18650	Cái	5					
212	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650	Cái	5					
213	Mặt bích các đăng 2402N-065	Cái	2					
214	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn 569-01-62720	Cái	2					
215	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	2					
216	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	2					
217	Mặt đi số F96194-6C	Cụm	2					
218	Mặt máy 740.30-1003010	Cụm	2					
219	Máy ép hơi 53205-3509015-02	Cụm	2					
220	Máy nén khí điều hòa 7S708/24V	Cái	2					
221	Máy phát điện 3142-3771-10	Cái	4					
222	Máy phát điện 600-861-9122	Cái	2					
223	Mô tơ quạt giàn nóng 90Z	Cái	2					
224	Móng hãm xu páp 6240-41-4520	Cái	50					
225	Nắp chụp chắn mỡ gối cầu cân bằng Kamaz	Cái	1					
226	Nhíp sau 100x22x1000	Lá	5					
227	Nhíp sau 100x22x1150	Lá	5					
228	Nhíp sau 100x22x1250	Lá	5					
229	Nhíp sau 100x22x1600	Lá	30					
230	Nhíp sau 100x22x350	Lá	5					
231	Nhíp sau 100x22x450	Lá	5					
232	Nhíp sau 100x22x550	Lá	5					
233	Nhíp sau 100x22x650	Lá	6					
234	Nhíp sau 100x22x750	Lá	5					
235	Nhíp sau 100x22x850	Lá	6					

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
236	Nhíp sau 90x20x1000	Lá	3					
237	Nhíp sau 90x20x1100	Lá	2					
238	Nhíp sau 90x20x1200	Lá	2					
239	Nhíp sau 90x20x1500	Lá	8					
240	Nhíp sau 90x20x500	Lá	3					
241	Nhíp sau 90x20x600	Lá	3					
242	Nhíp sau 90x20x700	Lá	3					
243	Nhíp sau 90x20x800	Lá	3					
244	Nhíp sau 90x20x900	Lá	2					
245	Nhíp trước 90x12x1400	Lá	2					
246	Nhíp trước 90x12x1600	Lá	2					
247	Nhíp trước 90x14x1050	Lá	2					
248	Nhíp trước 90x14x1200	Lá	7					
249	Nhíp trước 90x14x1350	Lá	5					
250	Nhíp trước 90x14x1500	Lá	7					
251	Nhíp trước 90x14x350	Lá	4					
252	Nhíp trước 90x14x450	Lá	5					
253	Nhíp trước 90x14x600	Lá	7					
254	Nhíp trước 90x14x750	Lá	5					
255	Nhíp trước 90x14x900	Lá	7					
256	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Lá	2					
257	Nhíp trước lá số 1; 90x16x1720	Lá	3					
258	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Lá	5					
259	Nhíp trước lá số 2; 90x16x1720	Lá	2					
260	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Lá	7					
261	Ống xả 54115-1203012-01	Cái	2					
262	Phanh hãm Φ60x2.5	Cái	5					
263	Phin lọc dầu động cơ P550065	Bộ	5					
264	Phin lọc dầu động cơ P550777	Cái	5					
265	Phin lọc dầu động cơ P553639	Cái	5					
266	Phin lọc dầu động cơ P556007	Cái	5					
267	Phin lọc dầu động cơ P559000	Cái	5					
268	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Cái	5					
269	Phin lọc dầu nhiên liệu P551047	Cái	5					
270	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Cái	5					
271	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Cái	10					
272	Phin lọc máy lạnh Hyundai HD260	Cái	2					
273	Phin lọc máy lạnh Kamaz	Cái	4					
274	Phốt 50x72x12 HMSA10 RG	Cái	2					
275	Phốt 58x80x12	Cái	2					
276	Phốt 90x120x12	Cái	2					
277	Phốt bốt lái 561-40-00100	Bộ	2					
278	Phốt cầu 80x105x12	Cái	10					
279	Phốt chắn bụi giảm sóc sau 561-50-61370	Cái	5					
280	Phốt chắn bụi giảm sóc trước 569-50-61230	Cái	5					
281	Phốt chắn bụi moay ơ sau 568-33-11511	Cái	5					
282	Phốt chắn mỡ 90x105x14	Cái	4					

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
283	Phốt chắn mỡ giăng cầu Φ70	Cái	64					
284	Phốt giảm chấn 569-01-12912	Cái	3					
285	Phốt moay ơ sau 65115-3104017	Cái	10					
286	Phốt moay ơ trước 105x138	Cái	5					
287	Phốt moay ơ trước 569-30-11412	Cái	4					
288	Phốt tím đơn giảm sóc sau 569-50-82410	Cái	5					
289	Piston giảm sóc ghế lái 370-8065	Cái	2					
290	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Cái	14					
291	Quang nhíp sau M27x90x420	Bộ	2					
292	Quang nhíp sau M27x90x440	Bộ	2					
293	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	6					
294	Quạt dàn nóng Themoking 12 inch/24V	Cái	3					
295	Quạt giàn lạnh HD465-7	Cái	2					
296	Quạt giàn lạnh HD465-7R	Cái	2					
297	Quạt giàn lạnh máy xúc lật VOLVO L150H	Cái	1					
298	Quạt giàn lạnh máy xúc PC750	Cái	1					
299	Quạt giàn nóng 24V - 12"	Cái	2					
300	Quạt giàn nóng máy khoan DI550	Cái	1					
301	Quạt giàn nóng máy xúc PC750	Cái	1					
302	Rơ le 569-06-61960	Cái	1					
303	Rô tuyn ba ngang R180-3414062/3414063	Bộ	2					
304	Rô tuyn đi số to Kamaz	Cái	2					
305	Tanh la răng	Cái	8					
306	Tay giăng cầu hạ HD465	Cái	4					
307	Tay giăng cầu thượng HD465	Cái	6					
308	Tiết chế máy phát Kamaz 6520	Cái	4					
309	Tổng côn dưới HYUNDAI HD260	Cái	1					
310	Tổng côn dưới Kamaz 6520	Cái	3					
311	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Cái	2					
312	Trục các đăng sau xe Dongfeng	Cái	2					
313	Trục chữ thập 5320-2403060	Cái	2					
314	Trục đứng 6520-3001019	Cái	2					
315	Trục giảm chấn HD465	Cái	2					
316	Trục lai bơm ben 136303036	Cái	2					
317	Trục lai các đăng sau 6520-3904030	Cái	2					
318	Trục láp dài 6520-3501108	Cái	2					
319	Trục súng vận bu lông SH8600	Cái	2					
320	Ty ô máy lạnh Φ22	mét	7,8					
321	Van chia hơi 1425183/RL3518Z77	Cái	2					
322	Van chia hơi 973011010	Cái	2					
323	Van điện từ 09070617	Cái	6					
324	Van điện từ lên ben 09070617	Cái	1					
325	Van nạp giảm sóc 566-50-11301	Cái	1					
326	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011	Cái	6					
327	Van tiết lưu máy lạnh HD465	Cái	1					
328	Van tiết lưu máy lạnh Kamaz	Cái	2					
329	Van vòi phun dầu bôi trơn thành xi lanh	Cái	1					

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
330	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Cái	2					
331	Vòi phun làm nguội pít tông	Cái	1					
332	Vòng bi 6009	Vòng	1					
333	Vòng bi 6211C3	Vòng	2					
334	Vòng bi 6217C3	Vòng	1					
335	Vòng bi 6316C3	Vòng	1					
336	Vòng bi 706-77-43890	Vòng	2					
337	Vòng bi cầu 1032924KM	Vòng	6					
338	Vòng bi cầu 30313JR	Vòng	3					
339	Vòng bi cầu 32216	Vòng	4					
340	Vòng bi cầu 32313	Vòng	2					
341	Vòng bi cầu 32315	Vòng	2					
342	Vòng bi cầu 6312	Vòng	3					
343	Vòng bi cầu NJ206ET2X	Vòng	1					
344	Vòng bi NTN 6303	Vòng	2					
345	Vòng bi SKF 6207	Vòng	5					
346	Vòng bi SKF 6208/C3	Vòng	2					
347	Vòng bi SKF 6303	Vòng	2					
348	Vòng bi SKF 6307	Vòng	2					
349	Vòng bi SKF 6313	Vòng	2					
350	Vòng bi SKF NJ206ECP	Vòng	2					
351	Vòng đệm đầu trục a cơ Kamaz 6520	Cái	2					
352	Vú mỡ	Cái	100					
353	Xi lanh phanh HYUNDAI County	Cái	4					
354	Xi lanh phanh trước xe SAMCO 34c	Cái	4					
Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)								

Ghi chú:

- Các cột (5), (6), (7), (8) (9) do nhà thầu chào.
- Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Bên mời thầu [Ghi tên bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng, thời gian, địa điểm giao hàng và chất lượng hàng hóa

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo. Hàng hóa được nghiệm thu theo số lượng thực tế phát sinh trong tháng

Thời gian giao hàng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023 và được giao thành từng đợt theo yêu cầu của Bên A.

Tiến độ giao hàng : Giao đủ hàng trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bên A.

Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư - Công ty Cổ phần 397, khu Nam Tràng

Bạch, phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Chất lượng hàng hóa: Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản Báo giá;
5. Bản yêu cầu báo giá.

Điều 3. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: đồng

Bằng chữ :

2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán
 - b) Thời hạn thanh toán
 - c) Số lần thanh toán

Điều 4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng : Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.

Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng ____ (____) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Đặt cọc (Bằng tiền mặt, chuyển

khoản) hoặc Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng : ____ đồng (Bằng chữ : ____) tương đương 2% giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày phát hành chứng thư Bảo lãnh hoặc ngày Bên A nhận được tiền Bảo đảm hợp đồng đến hết ngày 30/9/2023.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A ; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

a). *Quyền:*

- Yêu cầu bên B cung cấp hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian đã cam kết trong hợp đồng.

- Khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ nếu phát hiện chất lượng, nguồn

gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa;

b). Nghĩa vụ:

- Thanh toán đúng thời hạn đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp, thanh toán chậm hơn thời gian quy định nêu trên, bên A sẽ phải thanh toán cho bên B lãi suất cho số tiền trả chậm theo mức xác định bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán. Tuy nhiên thời gian thanh toán chậm không được quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày phát sinh số lãi suất thanh toán chậm;

- Tiếp nhận, kiểm nhập (kiểm tra chất lượng) hàng hóa nhanh chóng, kịp thời.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

a). Quyền:

Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hàng theo đúng thời hạn và phương thức thanh toán như quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

b). Nghĩa vụ:

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian thỏa thuận theo hợp đồng. Trường hợp giao hàng chậm so với thời gian quy định nêu trên, bên B sẽ phải chịu phạt chậm giao hàng. Giá trị phạt giao chậm được xác định như sau:

- $Gp\text{tđ} = (T\text{th} - T\text{hs}) \times GC \times R \times 1,5$

Gp\text{tđ}: Giá trị phạt giao hàng chậm

T\text{th}: Thời gian bên bán hoàn thành việc giao hàng (ngày);

T\text{hs}: Thời gian nhận hàng theo thông báo của bên A (ngày);

GC: Giá trị hàng hóa giao chậm;

R: Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm giao hàng chậm.

- Tuy nhiên thời gian giao hàng chậm không được quá 05 (năm) ngày và giá trị phạt giao hàng chậm không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị hàng hóa giao chậm;

- Giải quyết các khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho bên A nếu bên A phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa

có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: Đối với các hàng hóa có nguồn gốc nước ngoài, nhà thầu phải cung cấp 01 bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hoặc cung cấp bản sao y có công chứng, bản sao vận đơn thể hiện tên hàng theo hợp đồng. Các tài liệu kỹ thuật và thương mại phù hợp theo qui định của hợp đồng đã được Bên A chấp thuận.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được giao tại kho bên A, địa chỉ : Kho vật tư, kho nhiên liệu dầu mỡ phụ - Công ty CP 397, Trảng Bạch, Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh. Bên B chịu trách nhiệm bốc hàng từ phương tiện vận chuyển của mình xuống kho của Bên A, với địa điểm do bên A chỉ định. Bản chính của hóa đơn hợp lệ được giao cho Bên A khi giao hàng.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm theo yêu cầu bên A.

Điều 12. Quyền sở hữu trí tuệ và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: Những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho của bên B và giao hàng do Bên B chịu.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong trường hợp được bảo hành, thời gian bảo hành là thời gian cụ thể hoặc số giờ vận hành kể từ thời điểm bàn giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước (được nêu chi tiết trong phụ lục đính kèm). Không áp dụng do lỗi bảo dưỡng, thay thế, vận hành không đúng kỹ thuật của người sử dụng.

Điều 14. Bất khả kháng

Nhà Cung Cấp không có trách nhiệm khi không thể cung cấp hàng vì những lý do như dịch bệnh, bạo động, nội chiến, chiến tranh có tuyên chiến hay không, tai nạn, rút ngắn giờ lao động, đình công, đóng cửa nhà máy, cơ sở sản xuất bị sự cố, bên thứ ba không cung cấp nguyên liệu hoặc hàng hóa, bão lụt, hỏa hoạn hoặc bất cứ hoàn cảnh nào khác, dù nằm trong các trường hợp trên hay không, song ngoài khả năng kiểm soát của Nhà Cung Cấp. Tuy nhiên, Nhà Cung Cấp sẽ không được miễn trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành hoặc cung cấp hàng, cũng như Khách Hàng không thể không chấp nhận cho Nhà Cung Cấp thực hiện các công việc này khi những lý do ngăn cản việc thực hiện việc cung cấp hàng phải đình lại

Điều 15. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được hai bên thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.

2. Trường hợp quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở đảm bảo lợi ích chung.

3. Trường hợp các bên không tự thương lượng, hòa giải được thì sự việc tranh chấp sẽ được trình lên Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)- Trụ sở tại Hà Nội (Tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội) để giải quyết. Phán quyết của VIAC là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A nhận được Bảo đảm hợp đồng đến hết ngày 31/12/2023.

2. Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày các bên hoàn thành hết nghĩa vụ hợp đồng với nhau thì hợp đồng này tự động thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.